

TÀI LIỆU ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

UNIT 6: What time is it?

I. Vocabulary



get up: thức dậy



have breakfast: ăn sáng



go to school: đến trường



go home: về nhà



have dinner: ăn tối







in the morning: buổi sáng



in the afternoon: buổi trưa



in the evening: buổi tối

| | |
|---|--|
|  <p>smile: mỉm cười</p> |  <p>snow: tuyết</p> |
|  <p>star: ngôi sao</p> |  <p>sky: bầu trời</p> |

II. GRAMMAR

| QUESTIONS AND ANSWERS: | |
|--|----------------------------|
| 1/ What time is it? | It's seven o'clock. |
| SENTENCES: | |
| 1/ She gets up at six o'clock. | |
| 2/ He has breakfast at seven o'clock. | |

Order the words.

- o'clock It's . eleven _____
- lunch . at has o'clock twelve She _____

| PHONICS: | | | |
|-----------------|--------------|-------------|-------------|
| sm | sn | st | sk |
| smile | snow | star | sky |
| smash | snake | stew | skip |

Write.

| | | | |
|-------|-------|------|------|
| smile | snow | star | sky |
| smash | snake | stew | skip |

1. sm: _____
2. sn: _____
3. st: _____
4. sk: _____